



PHÁT TRIỂN KINH TẾ TRÊN ĐỊA BÀN TP. HCM TRONG THỜI GIAN QUA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ VÀ NHỮNG NHÂN TỐ THÚC ĐẨY, KÌM HẸM SỰ PHÁT TRIỂN KINH TẾ TP.HCM

**PGS. PTS NGUYỄN THỊ CÀNH
& Thạc sĩ NGUYỄN VĂN PHÚC**

1. Thực trạng phát triển kinh tế TP.HCM trong thời gian qua
- Một số chỉ tiêu phát triển của TP.HCM so với cả nước
(tính đến tháng 12.1997)

Biểu 1: Vị trí kinh tế của TP. HCM qua một số chỉ tiêu so sánh

Chỉ tiêu so sánh	TP.HCM	Cả nước	Tỷ trọng %
Dân số (Người)	4.989.703	76.709.000	6,5
Diện tích (Km ²)	2.093,7	330.991	0,63
GDP (Tỷ đồng)	55.068	295.696	18,62
Tốc độ tăng GDP (%)	12,1	8,8	
Thu ngân sách (Tỷ đồng)	20,82		32
Kim ngạch xuất khẩu (Tỷ USD)	4,23	8,9	47,53
Kim ngạch nhập khẩu (Tỷ USD)	3,95	11,3	34,95
Giá trị sản xuất công nghiệp (Tỷ đồng)	53,29	133,68	39,86
DN có vốn đầu tư nước ngoài (Số đơn vị)	677	1868	36,24
DNNN (Số đơn vị)	719	6000	11,98
DN, Công ty tư nhân (Số đơn vị)	9.077	32.000	28,37

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM và Niên giám thống kê VN năm 1997.

Từ một số chỉ tiêu so sánh nêu trên có thể nhận thấy TP. HCM là một thành phố lớn nhất nước ta hiện nay và có sự đóng góp lớn trong phát triển kinh tế của VN. Tình hình năm 1997 so với cả nước TP.HCM chỉ chiếm 6,5% về dân số, 0,63% về diện tích tự nhiên nhưng đã đóng góp 18,62% tổng thu nhập quốc gia, 1/3 nguồn thu ngân sách (thu nội địa) của cả nước. Đặc biệt TP.HCM đã thể hiện vai trò trung tâm công nghiệp, thương mại dịch vụ và thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước để thúc đẩy phát triển kinh tế thành phố và kinh tế cả nước thể hiện ở các chỉ số về tỷ trọng công nghiệp, tỷ trọng XNK, và đầu tư của khu vực tư nhân, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Tình hình phát triển kinh tế trên địa bàn TP.HCM có thể xem xét qua các số liệu dưới đây.

Biểu 2: Tốc độ tăng trưởng GDP (%) trong giai đoạn 1991-1998

	GDP-tỷ đ.-giá CD94	Tốc độ tăng %
1991		9,1
1992		11,7
1993	24668	12,5
1994	32596	14,6
1995	32597	15,3
1996	37450	14,6
1997	41910	12,1
Ước 98	45875	9,1

Nguồn: Niên giám Thống kê TP.HCM 1994 - 1997

Có thể nói kinh tế TP.HCM phát triển mạnh và có tốc độ phát triển cao thời kỳ 1991-1995, với mức cao nhất là năm 1995, năm 1996 đã giảm nhẹ nhưng tốc độ tăng trưởng vẫn cao bằng năm 1994. Từ năm 1996 đã có dấu hiệu đi xuống và giảm mạnh ở năm 1998 này. Nguyên nhân giảm mạnh ở hai năm 1997-1998 theo chúng tôi là do tác động của khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực. Để xem xét kỹ hơn về thực trạng phát triển kinh tế TP.HCM, các yếu tố thúc đẩy hoặc kìm hãm tốc độ tăng trưởng, cần xem xét thêm các yếu tố sau đây:

- Vấn đề phát triển và dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo ngành, theo thành phần kinh tế;
- Sự đóng góp của các thành phần kinh tế trong việc tăng trưởng kinh tế của thành phố;
- Tình hình phát triển các ngành kinh tế chủ yếu (công nghiệp, thương mại) trên địa bàn.

Trong tăng trưởng và phát triển kinh tế của TP.HCM thì vai trò của khu vực II- gồm các ngành sản xuất công nghiệp và xây dựng và khu vực III- gồm các ngành thương mại dịch vụ đóng vai trò quyết định. Có thể xem xét các chỉ tiêu phát triển của các ngành kinh tế, đặc biệt của các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ trong đó có xuất khẩu qua các biểu dưới đây.

Biểu 3: Tốc độ tăng trưởng GDP bình quân (%) phân theo ngành kinh tế

	1993	1994	1995	1996	1997	6 th 1998
Tổng số	12,5	14,6	15,3	14,7	12,1	9,1
Nông nghiệp	2,4	8,6	8,4	2,3	2,6	2,0
Công nghiệp	18,0	17,9	17,5	17,8	14,3	12,7
Dịch vụ	10,0	12,9	14,3	13,4	11,1	6,7

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM 1994 - 1997

Tốc độ phát triển cao của TP.HCM trong các năm qua là do hai khu vực ngành kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao đó là các ngành sản xuất công nghiệp và thương mại dịch vụ. Tuy nhiên các ngành này từ năm 1997 đã có xu hướng đi xuống đã làm cho tốc độ tăng trưởng kinh tế chung của thành phố bị chậm lại. Các chỉ tiêu phát triển theo thành phần kinh tế được thể hiện qua biểu 4 dưới đây.

Biểu 4: Tốc độ tăng trưởng GDP của TP phân theo các thành phần kinh tế (%)

	1992	1993	1994	1995	1996	1997
Tổng số	11,7	12,5	14,6	15,3	14,7	12,1
Quốc doanh	9,0	9,4	13,4	10,7	11,6	10,2
Ngoài quốc doanh	10,0	10,1	13,4	12,9	10,2	10,5
ĐTN	85,6	65,5	29,6	55,7	44,5	23,3

Nguồn: Niên giám thống kê TP.HCM 1994 - 1997.

Tốc độ tăng trưởng GDP của thành phố cao trong các năm qua là do có sự đóng góp của các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, tức do đạt được mức tăng trưởng cao ở khu vực ngoài quốc doanh và khu vực đầu tư nước ngoài. Do tốc độ tăng trưởng của các ngành công nghiệp, thương mại dịch vụ cao, cũng như tốc độ tăng trưởng của khu vực đầu tư nước ngoài cao hơn khu vực trong nước, đặc biệt là khu vực tư nhân

thức kinh tế tập thể bao gồm hợp tác xã, tổ hợp (tổ sản xuất), nhóm kinh doanh, theo ND 66/HĐBT và Luật hợp tác xã (HTX); hình thức kinh tế tư doanh bao gồm xí nghiệp, công ty tư doanh (trước đây), sau khi có Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty là xí nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần. Tất cả các hình thức này được gọi là khu vực kinh tế ngoài quốc doanh;

- Hình thức xí nghiệp liên doanh là các công ty, xí nghiệp liên doanh giữa vốn nhà nước hoặc xí nghiệp tư nhân trong nước với công ty tư bản tư nhân nước ngoài; hình thức đầu tư tại Việt Nam 100% vốn của nước ngoài (theo Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam) được gọi là khu vực có vốn đầu tư nước ngoài.

Sự phát triển các loại hình tổ chức kinh tế nêu trên có thể xem qua biểu số 6 dưới đây.

Biểu 6 : Phát triển các loại hình doanh nghiệp theo thành phần kinh tế trên địa bàn TP. HCM từ 1988-1997

Năm	1988 (số lượng đơn vị)						Đến tháng 12.1997 (số lượng đơn vị)					
Loại hình Ngành DN	DNNN	XN có vốn đầu tư NN	DNTN	HTX	Tổ SX	Cá thể	DNNN	XN có vốn đầu tư NN	DN, công ty tư nhân	HTX	Tổ hợp, cá thể, tiểu chủ	
1.Ngành CN-XD	530	3	22	677	2.566	16.982	306	460	1.703	74	29.840	
2.Ngành TM-DV	959	2		2.992		50.000	296	155	7.112	93	118.967	
3.Ngành GT-CC				150			62	37	91	71	14.155	
4.Ngành NN				188			31	9	149	-	96.339	
5.Ngành TC-Ngân hàng	1.489	5	22	4.007	2.566	66.982	24	16	22	238	259.271	
							719	677	9.077			

Nguồn: Cục Thống kê TP.HCM; Viện Kinh Tế TP.HCM.

có những năm cao hơn khu vực kinh tế nhà nước đã làm cho sự chuyển dịch cơ cấu đang chuyển dần sang công nghiệp mặc dù thương mại dịch vụ vẫn còn giữ tỷ trọng cao, và cơ cấu thành phần cũng đang tăng dần khu vực đầu tư nước ngoài, khu vực kinh tế nhà nước đang có xu hướng giảm dần (xem biểu 5 về dịch chuyển cơ cấu kinh tế dưới đây).

Biểu 5: Dịch chuyển cơ cấu GDP theo khu vực và thành phần kinh tế (%)

	1993	1994	1995	1996	1997
GDP (theo giá hiện hành-tỷ đ.)	23.722	28.271	38.810	47.242	55.068
* Theo thành phần kinh tế (%)					
- Quốc doanh	52,2	51,3	49,2	47,9	46,9
- Ngoài quốc doanh	40,4	40,5	39,7	38,8	37,3
- Liên doanh & ĐTN	7,4	8,2	11,1	13,3	15,7
* Theo khu vực kinh tế (%)					
- Nông lâm nghiệp	3,3	3,8	3,0	2,6	2,5
- Công nghiệp & Xây dựng	40,0	41,0	41,2	42,3	42,1
- Thương mại- Dịch vụ	56,7	55,8	55,7	55,2	55,4

Nguồn: Niên giám Thống kê TP.HCM 1994- 1997

2. Sự phát triển các thành phần kinh tế trên địa bàn TP.HCM

Sự phát triển của các thành phần kinh tế có thể xem xét trên một số mặt sau:

-Thứ nhất, sự phát triển nhanh của các loại hình doanh nghiệp trên địa bàn TP.HCM;

-Thứ hai, tốc độ tăng trưởng của các thành phần kinh tế và mức đóng góp vào tốc độ tăng trưởng chung;

-Thứ ba, sự dịch chuyển cơ cấu kinh tế theo thành phần. Các loại hình tổ chức doanh nghiệp theo các thành phần kinh tế trên địa bàn TP. HCM hiện nay bao gồm :

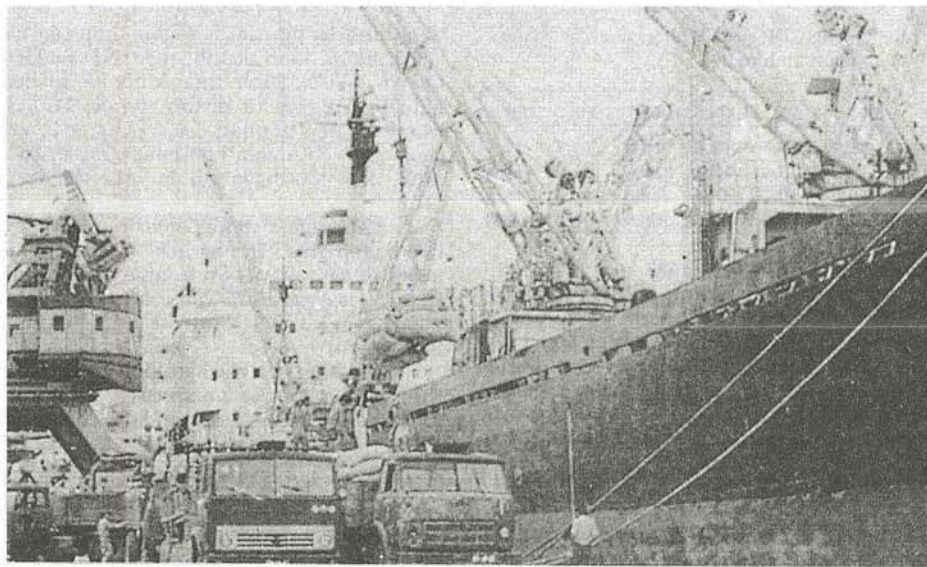
- Hình thức kinh tế nhà nước hay kinh tế quốc doanh được thành lập và hoạt động theo Luật DNNN thuộc sở hữu nhà nước được gọi là DNNN hay khu vực kinh tế quốc doanh;

- Hình thức kinh tế cá thể gồm hộ cá thể và hộ tiểu chủ trong tiểu thủ công nghiệp, hộ kinh doanh cá thể trong kinh doanh thương mại dịch vụ đăng ký theo ND 66/HĐBT; hình

Theo số liệu ở biểu trên thì các loại hình doanh nghiệp của khu vực ngoài quốc doanh phát triển nhanh đặc biệt là các doanh nghiệp, công ty tư nhân, loại hình doanh nghiệp nhà nước và hợp tác xã giảm mạnh. Sự phát triển các loại hình doanh nghiệp ngoài quốc doanh không chỉ góp phần thúc đẩy sự tăng trưởng chung của kinh tế thành phố mà còn đóng góp cho việc tăng nguồn thu ngân sách cũng như



thu hút lao động giải quyết việc làm cho lao động thành phố. Số lượng loại hình doanh nghiệp nhà nước giảm mạnh là do một số DNNN cấp quận huyện có quy mô quá nhỏ, đồng thời các doanh nghiệp này ra đời chủ yếu là chỉ có địa điểm làm việc, pháp nhân, con dấu để hoạt động nhưng không được cấp vốn, khi chuyển sang cơ chế mới làm ăn thua lỗ kéo dài nên bị giải thể, số lớn doanh nghiệp nhà nước khác trước đây trực thuộc liên hiệp các xí nghiệp, sau đó tách ra hạch toán độc lập, khi đăng ký lại theo Nghị định và Luật DNNN thì lại sáp nhập với nhau. Xét trên số lượng thì khu vực kinh tế nhà nước giảm đáng kể song xét trên tài sản, vốn thì hiện khu vực kinh tế nhà



nước còn nắm giữ trên 70% về vốn tài sản của nền kinh tế thành phố. Để thấy rõ hơn về mức độ đóng góp và hiệu quả tổng thể của các khu vực kinh tế có thể xem xét một số chỉ tiêu về hiệu quả và mức đóng góp của các khu vực kinh tế trên địa bàn TP. HCM qua biểu 7 dưới đây.

Biểu 7: Tỷ trọng đóng góp GDP, thu ngân sách, lao động làm việc của các thành phần kinh tế trên địa bàn TP. HCM (%)

Chỉ tiêu	Năm	1993	1994	1995	1996	1997
1/ GDP, trong đó:		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Khu vực kinh tế nhà nước		52,2	51,3	49,2	47,9	46,9
Khu vực ngoài quốc doanh		40,4	40,5	39,7	38,8	37,3
Khu vực đầu tư nước ngoài		7,4	8,2	11,1	13,3	15,7
2/ Tổng thu ngân sách		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Tổng thu trong nước		64,3	64,1	60,0	61,6	64,9
Trong đó:						
Khu vực kinh tế nhà nước		42,9	37,6	29,5	27,0	25,6
Khu vực ngoài quốc doanh		8,2	8,4	8,9	10,78	11,1
Khu vực đầu tư nước ngoài		1,8	4,8	7,5	9,5	9,2
3/ Tổng số lao động làm việc		100,0	100,0	100,0	100,0	100,0
Khu vực kinh tế nhà nước		21,7	21,9	24,1	22,8	23,11
Khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài		78,3	78,1	75,9	77,2	76,89

Nguồn: Niên giám thống kê TP. HCM năm 1996 - 1997.

Theo số liệu thống kê nêu tại biểu trên thì sự đóng góp của khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài trên địa bàn TP. HCM trong những năm qua đã thể hiện là nhân tố tích cực trong phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn TP. HCM. Cơ cấu GDP của hai khu vực này đang dần dần lấy vị trí của khu vực kinh tế nhà nước để vượt tỷ trọng lên trên 50%, nguồn thu trong nước cũng đang nâng lên về tỷ trọng từ chỗ chiếm một tỷ trọng khiêm tốn năm 1993 chỉ bằng 25% nguồn thu từ khu vực kinh tế nhà nước, đến năm 1997 đã tiến tới mức bằng 82% nguồn thu của khu vực kinh tế nhà nước. Đặc biệt khu vực ngoài quốc doanh đã có đóng góp rất lớn về mặt xã hội, thu hút khoảng 77% lực lượng lao động đang làm việc trên địa bàn.

Ngành nông lâm ngư chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong nền kinh tế thành phố và chủ yếu là do khu vực ngoài quốc doanh đóng góp, không có tác động lớn đến sự tăng trưởng chung do đó trong phân tích này sẽ không đề cập đến tác động của nó. Sự đóng góp của các thành phần kinh tế trong các ngành kinh tế chủ yếu của thành phố gồm có các ngành

công nghiệp, thương mại dịch vụ được thể hiện qua các biểu 8,9 dưới đây.

Biểu 8: Tình hình phát triển giá trị sản xuất công nghiệp

	1994	1995	1996	1997	6th 1998
Tốc độ tăng trưởng (%)	17,9	19,1	17,8	13,7	12,9
Giá trị sản xuất công nghiệp, (tỷ đ.)	25.927,6	35.127,0	45.341,1	53.290,7	
Cơ cấu theo thành phần:	100,0	100,0	100,0	100,0	
Công nghiệp quốc doanh	63,3	60,0	57,3	54,2	
Công nghiệp ngoài quốc doanh	25,1	23,8	23,3	22,0	
Đầu tư nước ngoài	11,6	16,2	19,4	23,8	

Nguồn: Cục thống kê TP. HCM

Trong sản xuất công nghiệp thì hiện khu vực kinh tế quốc doanh đang chiếm ưu thế về tỷ trọng. Tuy nhiên biểu số liệu trên cũng cho thấy ưu thế này của quốc doanh đang mất dần, từ chiếm 63,3% cơ cấu công nghiệp năm 1994 xuống còn 54,2% năm 1997. Ngược lại với khu vực đầu tư trong nước đang ngày một giảm trong cơ cấu công nghiệp thì khu vực đầu tư nước ngoài lại có bước nhảy vọt, hiện chiếm gần 1/4 giá trị sản xuất công nghiệp trên địa bàn.

Nếu đi vào phân tích sâu hơn thì thấy rằng, tốc độ tăng trưởng công nghiệp bị chững lại là do tốc độ tăng trưởng công nghiệp của khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh giảm sút mạnh mẽ. Quốc doanh giảm từ mức 11% năm 1996 xuống còn 5,5% trong năm 1997, trong đó quốc doanh trung ương giảm rất mạnh từ mức 12,2% trong năm 1996 xuống còn 4,1% trong năm 1997. Khu vực ngoài quốc doanh giảm từ mức 15,6% năm 1996 xuống còn 8,3% trong năm 1997 (nhưng tốc độ tăng của toàn bộ khu vực ngoài quốc doanh thì lại tăng lên một ít từ 10,2% năm 1996 lên 10,5% năm 1997 (xem Biểu 4) điều đó chứng tỏ khu vực ngoài quốc doanh có tốc độ tăng GDP ở khu vực dịch vụ tăng lên trong năm 1997 nên nó bù đắp được phần sụt giảm trong công nghiệp làm cho mức tăng GDP chung của khu vực ngoài quốc doanh không giảm, tuy nhiên mức này (10,5%) vẫn còn thấp so với mức tăng GDP trên địa bàn và so với mức tăng năm 1995, vì khu vực ngoài quốc doanh đã sụt giảm mạnh từ năm 1996. Trong khi đó, mức tăng GDP công nghiệp của khu vực đầu tư nước ngoài giảm không đáng kể (từ mức 45,6% năm 1996 xuống 43,6% năm 1997), điều này có nghĩa là tốc độ tăng GDP của khu vực đầu tư nước ngoài giảm chủ yếu là trong khu vực dịch vụ. Tốc độ tăng trưởng công nghiệp giảm chủ yếu là do khu vực kinh tế trong nước suy giảm.

Về phát triển thương mại dịch vụ và mức đóng góp của

các thành phần kinh tế có thể xem xét biểu số 9 dưới đây.
Biểu 9: Tình hình phát triển thương mại trên địa bàn TP. HCM

	1993	1994	1995	1996	1997	6th 1998
Tốc độ tăng tổng mức bán (%)	33,8	36,3	43,4	23,0	6,6	10,3
Cơ cấu theo thành phần:						
- Quốc doanh	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
- Ngoài quốc doanh	53,7	49,7	42,9	40,2	37,0	
- Đầu tư nước ngoài	45,6	49,6	56,2	59,0	62,2	
Tốc độ tăng bán lẻ (%)	35,9	37,7	41,3	18,6	7,0	7,8
Cơ cấu theo thành phần:						
- Quốc doanh	100,0	100,0	100,0	100,0	100,0	
- Ngoài quốc doanh	27,8	25,3	21,7	18,0	17,7	
- Đầu tư nước ngoài	70,5	73,1	76,1	79,8	80,4	
Xuất khẩu	1,7	1,6	2,2	2,2	1,9	
Nhập khẩu	6,8	9,3	44,3	47,4	10,5	-0,6
	52,8	35,5	33,3	32,5	2,6	-0,6

Nguồn: Tính từ Niên giám thống kê TP.HCM 1997. Số liệu 6 tháng đầu năm 1998 của Cục Thống kê TP.HCM cung cấp.

Nếu như sản xuất công nghiệp khu vực quốc doanh đang chiếm ưu thế thì trong hoạt động thương mại dịch vụ khu kinh tế ngoài quốc doanh lại chiếm ưu thế. Biểu 9 cho thấy cơ cấu tổng mức bán hàng hóa và cơ cấu mức bán lẻ đang chuyển dịch mạnh sang khu vực kinh tế ngoài quốc doanh. Năm 1997 khu vực kinh tế ngoài quốc doanh chiếm 62,2% về tổng mức hàng hóa bán ra và 80,4% về mức bán lẻ. Điều này lý giải thêm vì sao tỷ trọng công nghiệp khu vực ngoài quốc doanh giảm nhưng vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng chung GDP.

Để thấy rõ hơn về mức đóng góp của các thành phần kinh tế trong việc thúc đẩy tốc độ tăng trưởng kinh tế chung tốc độ tăng GDP trên địa bàn TP. HCM có thể xem xét qua các tính toán trong biểu số 10 dưới đây.

Biểu 10: Mức đóng góp vào tăng GDP của các thành phần kinh tế trong 4 năm gần đây(%)

	1994	1995	1996	1997
Tổng số	14,6	15,3	14,7	12,1
Quốc doanh	6,94	5,48	5,70	4,86
Ngoài Quốc doanh	5,50	5,24	4,05	3,99
BTNN	2,16	4,58	4,95	3,25

Nguồn: Tính toán từ số liệu thuộc Niên giám thống kê TP.HCM năm 1996 - 1997.

Biểu số 10 là biểu tính toán mức đóng góp của các thành phần kinh tế vào tăng trưởng GDP của TP.HCM qua một số năm. Số liệu tính toán trên giải thích rằng để năm 1994, TP.HCM đạt mức tăng trưởng GDP là 14,6% thì khu vực quốc doanh đóng góp 6,94%, khu vực ngoài quốc doanh 5,5%, khu vực đầu tư nước ngoài 2,16%, tương tự như vậy năm 1995 để mức tăng trưởng đạt 15,3% thì khu vực quốc doanh đóng góp là 5,48%, khu vực ngoài quốc doanh 5,24%, và khu vực đầu tư nước ngoài 4,58%.... Như vậy nếu không có khu vực ngoài quốc doanh và đầu tư nước ngoài thì mức tăng trưởng của TP.HCM chỉ sẽ đạt trên dưới 5% mà thôi. Điều này cho thấy là đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài đóng một vai trò quan trọng trong việc tạo ra mức tăng trưởng cao của TP.HCM, do đó nếu vì lý do gì đó mà đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài sụt giảm nhiều thì mức tăng trưởng của TP.HCM sẽ giảm mạnh.

Năm 1997 phản ánh tình trạng này, các bằng số liệu trên cho thấy mức tăng trưởng cao của khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài ở các năm 1995 và 1996 góp phần tạo ra mức tăng GDP cao, riêng năm 1997 mức tăng trưởng ở khu vực tư nhân và khu vực đầu tư nước ngoài bắt đầu giảm đã làm mức tăng GDP chung trên địa bàn giảm theo.

3. Nhận định về những nhân tố thúc đẩy và kìm hãm sự phát triển kinh tế trên địa bàn TP. HCM

Yếu tố làm cho tăng trưởng kinh tế TP. HCM như đã phân tích có thể tổng hợp như sau:

Thứ nhất, là do thu hút được đầu tư của tư nhân, đầu tư nước ngoài trong thời gian qua nên đã thúc đẩy tăng các ngành chủ yếu của thành phố là công nghiệp và thương mại dịch vụ. Đặc biệt là khu vực đầu tư nước ngoài đã góp phần thúc đẩy tăng giá trị sản xuất công nghiệp trong khi khu vực công nghiệp trong nước kể cả quốc doanh và ngoài quốc doanh đang có xu hướng giảm mạnh, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh đóng góp thúc đẩy phát triển thương mại dịch vụ.

Thứ hai, do TP.HCM có vị trí thuận lợi cho phát triển ngoại thương gồm đầu tư nước ngoài và xuất nhập khẩu đã chiếm ưu thế so với cả nước về hai lĩnh vực này. Các năm có tốc độ tăng trưởng cao cũng là những năm có tốc độ tăng tổng kim ngạch xuất nhập khẩu cao, điều này đồng thời thể hiện của yếu tố tăng cầu của thị trường trong và ngoài nước có tác động tốt cho sản xuất công nghiệp. Xuất nhập khẩu và thương mại có tốc độ cao lại có tác động tốt thúc đẩy tăng tốc độ sản xuất công nghiệp trên địa bàn. Có thể nói xuất khẩu cũng là một nhân tố có tác động mạnh mẽ lên tổng cầu nói riêng và tăng trưởng nói chung.

Những nhân tố đang làm cho mức độ tăng trưởng của kinh tế thành phố bị giảm, theo chúng tôi, là:

- Do tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính khu vực đã làm cho hàng công nghiệp xuất khẩu đi các khu vực, chủ yếu là Bắc Á, bị giảm mạnh. Do tốc độ tăng trưởng xuất khẩu giảm mạnh trong năm 1997 còn 10,5% so với mức tăng 47,4% năm 1996 và 44,3% năm 1995, và 6 tháng đầu năm 1998 đã giảm xuống 0,6% so với cùng kỳ đã có tác động làm cho tốc độ sản xuất công nghiệp cũng bị giảm đi đáng kể.

- Yếu tố thứ hai làm cho nhịp độ tăng trưởng bị chậm lại là sức mua có xu hướng giảm dần. Biểu 11 chỉ rõ tiêu dùng cuối cùng của Nhà nước và dân cư đều giảm qua các năm, đặc biệt là tiêu dùng của dân cư. Thậm chí nếu loại trừ yếu tố biến động giá thì quỹ tiêu dùng cuối cùng của dân cư năm 1997 chỉ tăng 5,5% trong khi mức tăng của năm 1996 là 8% và của năm 1995 là 10%.

Biểu 11: Tốc độ tăng tiêu dùng cuối cùng, tiêu dùng dân cư

Đơn vị tính: Tỷ đồng

	1994	1995	1996	1997
- Tiêu dùng cuối cùng	19.488	25.066	30.003	32.917
Tốc độ tăng	41,3%	28,6%	19,7%	9,7%
Trong đó:				
-Tiêu dùng của dân cư	17.562	22.579	27.019	29.335
Tốc độ tăng	-	28,9%	19,6%	8,6%
-Tiêu dùng của Nhà nước	1.962	2.468	2.983	3.582
Tốc độ tăng	-	25,8%	20,1%	20,0%

Nguồn: Kết quả tính toán dựa trên Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội TP.HCM tháng 12 năm 1997 của Cục Thống kê TP.HCM.

Tiêu dùng của dân cư bị giảm có tác động đến tổng mức bán lẻ làm cho tốc độ tăng tổng mức hàng hóa bán ra và hàng hóa bán lẻ bị giảm xuống cũng đã góp phần làm kìm hãm tốc độ tăng trưởng chung.

- Yếu tố làm cho tốc độ tăng trưởng giảm là tốc độ đầu tư đang có xu hướng giảm dần.

Khi nói đến tác động của cặp nhân tố số nhân - gia tốc là ta muốn đề cập đến những biểu hiện thay đổi trong quan hệ giữa đầu tư và tổng giá trị sản phẩm dưới tác động của cặp nhân tố nói trên. Đối chiếu với tình hình thực tế của thành phố, qua phân tích số liệu ta thấy tốc độ tăng của tổng mức hàng hóa bán ra bắt đầu giảm từ năm 1996. Theo lý thuyết thì đây chính là thời điểm mà nguyên tắc gia tốc phát huy tác dụng, làm giảm mức đầu tư. Và thực tế tình hình đầu tư trên địa bàn đã diễn ra theo đúng xu hướng trên (xem biểu 12).

Biểu 12: Tình hình đầu tư trên địa bàn qua vốn XDCB và sửa chữa lớn

	1994	1995	1996	1997
Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	9557	12.713	18.645	22.969
Tốc độ tăng	31	33	47	23
(%- chưa loại bỏ yếu tố trượt giá)				

Kết quả trong bảng trên cho thấy mặc dù tốc độ tăng GDP bắt đầu giảm từ năm 1996, song tốc độ tăng đầu tư chỉ giảm từ năm 1997, đây cũng là điều dễ hiểu khi mà theo nguyên tắc gia tốc thì sự tăng giảm của mức hàng hóa bán ra và sản lượng quyết định sự tăng giảm của đầu tư, do vậy tốc độ đầu tư giảm sẽ diễn ra với độ trễ là một năm.

Sự sụt giảm về tăng trưởng TP.HCM trong năm 1997, và 6 tháng đầu năm 1998 chủ yếu bắt nguồn từ sự sụt giảm tăng trưởng của khu vực đầu tư nước ngoài và khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, rồi đến khu vực kinh tế quốc doanh và xét theo lĩnh vực ngành kinh tế thì sự sụt giảm này rơi nặng vào khu vực công nghiệp và một phần vào khu vực thương mại dịch vụ.

Sự sụt giảm của khu vực kinh tế nhà nước trong những năm qua là do khu vực này hoạt động kém hiệu quả. Cụ thể là mặc dù khu vực kinh tế nhà nước đang chiếm giữ phần lớn (trên 70%) vốn, tài sản, đất đai nhưng chỉ tạo ra được gần 47% GDP và tỷ trọng này đang có xu hướng giảm nữa. Cho dù khu vực kinh tế nhà nước vẫn đang nắm giữ tỷ trọng cao về thu nhập quốc nội, về thu ngân sách trên địa bàn song so với tiềm lực mà khu vực này nắm giữ thì sự đóng góp nêu trên thể hiện tính không hiệu quả của khu vực này, và đây cũng chính là một cản lực cho phát triển nếu như không có những cải cách để nâng cao hiệu quả của khu vực kinh tế nhà nước.

Sự sụt giảm tốc độ của khu vực đầu tư nước ngoài một phần là do khủng hoảng tài chính kinh tế khu vực, phần nữa là trong khu vực này có nhiều doanh nghiệp mới vào hoạt động chưa thể phát huy được ngay. Đối với khu vực kinh tế ngoài quốc doanh một yếu tố nội lực quan trọng trong phát triển kinh tế của thành phố đã có xu hướng giảm tốc độ trong các năm gần đây.

Phân tích nguyên nhân vì sao khu vực ngoài quốc doanh tăng trưởng chậm, đóng góp ít cho kinh tế Thành phố, ngoài những nguyên nhân chung tác động lên toàn bộ các khu vực kinh tế nói chung, theo chúng tôi còn có một số nguyên nhân sau làm khu vực ngoài quốc doanh tăng trưởng chậm lại:

Thứ nhất, phần lớn GDP của khu vực ngoài quốc doanh tập trung vào các ngành dịch vụ và xây dựng. Trong năm 1997, dịch vụ chiếm 61,1% trong tổng GDP của khu vực ngoài quốc doanh (mức trung bình của toàn nền kinh tế TP là 55,4%), tập trung ở các ngành: thương nghiệp: 25,0%, khách sạn nhà hàng 12,4%, vận tải và kho bãi 6,6% và hoạt động dịch vụ khác 17%; còn xây dựng chiếm gần 7,5%. Do đó gần 70% GDP của khu vực ngoài quốc doanh tập trung vào khu vực dịch vụ và xây dựng, đây là những ngành mà khi kinh tế suy thoái thì thường bị ảnh hưởng trước tiên, nhất là các ngành như thương mại, khách sạn nhà hàng, xây dựng. Năm 1997 tăng trưởng của các ngành này sụt giảm rất mạnh trên địa bàn Thành phố nên đã ảnh hưởng mạnh đến tốc độ tăng GDP của khu vực ngoài quốc doanh. Điều này cũng phản ánh một thực trạng là đa số các nhà đầu tư tư nhân đầu tư vào thương mại-dịch vụ với mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận nhất thời, chứ không chú trọng đầu tư phát triển các ngành sản xuất công nghiệp hay đi vào các ngành dịch vụ hiện đại, là những ngành đảm bảo sự phát triển lâu dài của nền kinh tế và của bản thân các doanh nghiệp.

Thứ hai, phần công nghiệp chế biến chiếm khoảng 25% GDP (tính cho năm 1997) của khu vực ngoài quốc doanh, tuy nhiên cũng chỉ tập trung ở một số ngành truyền thống như: thực phẩm và đồ uống (17,9% của tổng GDP công nghiệp chế

biến của khu vực ngoài quốc doanh), dệt (9,1%), may mặc và giày dép (20%), sản phẩm từ cao su và plastic (14,4%), sản phẩm từ kim loại (8,5%). Chúng ta nhận thấy là những ngành này có thể phát triển mạnh trong thời gian trước đây do tác dụng "cởi trói" của đổi mới, tận dụng cơ sở vật chất trước đó chưa khai thác hết, và quan trọng hơn là khai thác thị trường nội địa,... thì nay những tác dụng trên đã được khai thác hết và thị trường nội địa cho những mặt hàng này gần như bão hòa, cùng với sự tham gia cạnh tranh mạnh mẽ của các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, do đó đã làm giảm mạnh tốc độ tăng trưởng của sản xuất công nghiệp chế biến ngoài quốc doanh. Nếu tốc độ tăng trong năm 1994 là 17,4% thì năm 1995 và 1996 là khoảng 15,4%, năm 1997 chỉ còn là 8,3%. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng các ngành này ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài vẫn giữ ở mức cao. Ngoài ra một tác động khác như: việc sụt giảm thu nhập của nông dân do giá xuất khẩu nông sản giảm, hàng nhập lậu, thiên tai,... đã làm thu hẹp thị trường cho công nghiệp Thành phố trong năm 1997, tác động mạnh làm sụt giảm tốc độ tăng trưởng công nghiệp của khu vực kinh tế trong nước, bao gồm quốc doanh và ngoài quốc doanh, vốn dĩ đã yếu kém về vốn, công nghệ, trình độ quản lý,...

Thứ ba, vấn đề thuế tăng cao cũng là một khó khăn lớn cho phát triển của khu vực ngoài quốc doanh. Thật vậy, trong khi tốc độ tăng trưởng của khu vực kinh tế ngoài quốc doanh trong những năm gần đây luôn thấp hơn mức tăng trưởng chung từ 2-3% thì tốc độ tăng thu thuế đối với khu vực ngoài quốc doanh luôn cao hơn mức bình quân chung. Ví dụ như trong năm 1994, tốc độ tăng thu thuế (nội địa) của toàn bộ kinh tế Thành phố là 65,3% thì ngoài quốc doanh là 70,6%; năm 1995 tương ứng là 25,3% và 42,1%; và năm 1996 là 22,4% và 42,7%. Tốc độ tăng thu thuế lớn hơn gấp nhiều lần tốc độ tăng trưởng GDP là một gánh nặng đáng kể lên khu vực kinh tế ngoài quốc doanh, làm giảm sản xuất và đến lượt nó làm giảm nguồn thu thuế. Có lẽ năm 1997 phản ánh khá rõ nét tình trạng này.

Thứ tư, vấn đề cơ cấu đầu tư kém hiệu quả của khu vực ngoài quốc doanh là một nguyên nhân nữa làm giảm tốc độ tăng trưởng. Như đã đề cập ở trên là hiệu quả đầu tư chung trên địa bàn Thành phố đã giảm, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng kinh tế chung, nhưng ở đây nhận thấy là hiệu quả đầu tư của khu vực ngoài quốc doanh lại kém hiệu quả hơn mức chung của nền kinh tế, biểu hiện ở chỗ là tốc độ tăng đầu tư vào tài sản cố định của khu vực ngoài quốc doanh luôn cao hơn mức trung bình chung của kinh tế Thành phố (cho đến trước năm 1997). Do đó, đáng lẽ tốc độ tăng trưởng của khu vực ngoài quốc doanh phải cao hơn mức trung bình chung, nhưng kết quả thì ngược lại: mức tăng trưởng của khu vực ngoài quốc doanh luôn thấp hơn mức trung bình chung.

Thứ năm, cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính trong khu vực cũng tác động đến các nhà đầu tư tư nhân trong nước, vì phải cạnh tranh mạnh hơn nữa với hàng ngoại nhập của các nước mà đồng tiền bị mất giá và vì thị trường xuất khẩu của các đơn vị ngoài quốc doanh đa số là đến khu vực Châu Á. Đầu tư của tư nhân trong nước bắt đầu có xu hướng giảm dần, một mặt do cuộc khủng hoảng kinh tế-tài chính khu vực tác động, mặt khác cho đến nay môi trường đầu tư cho tư nhân trong nước chưa thực sự thông thoáng. Về mặt chính sách nhà nước đã có Luật khuyến khích đầu tư trong nước, song trên thực tế khu vực kinh tế tư nhân chưa được tiếp cận với các chính sách ưu đãi, khuyến khích một cách thật sự và thậm chí còn chịu những bất bình đẳng so với các thành phần kinh tế khác qua các chính sách về đất đai, giá thuế đất, vấn đề thuế lợi tức công ty, về quota xuất nhập,... Thủ tục hành chính còn rườm rà cũng là một hạn chế lớn để phát triển khu vực kinh tế này ■